TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1290/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28.9.2017.
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Viết Đức
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Thanh Phong - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Mến - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 591/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22.8.2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2017/QĐST- HNGĐ ngày 11.9.2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hà Quốc S – Sinh năm: 1990. (có đơn xin vắng mặt)
Thường trú: xã X, huyện Y, thành phố Z

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm: 1990. (vắng mặt)
Thường trú: xã X, huyện Y, thành phố Z

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18.5.2017, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn ông Nguyễn Hà Quốc S trình bày:

Vào năm 2009, ông và bà Nguyễn Thị Thu H có tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện Y, thành phố Z cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15.02.2011.

Sau ngày cưới vợ chồng sống tại gia đình ông. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2011 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến về vấn đề kinh tế, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/02/2010. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải ông Nguyễn Hà Quốc S và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bà H không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Hà vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Hà Quốc S và bà Nguyễn Thị Thu H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Nguyễn Thị Thu H cư trú tại xã X, huyện Y, thành phố Z nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Thu H không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tống đạt hợp lệ cho bà H nhưng bà Hà vẫn không có mặt. Nguyên đơn ông Nguyễn Hà Quốc S có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông Nguyễn Hà Quốc S và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, thành phố Z ngày 15.02.2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

* Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Hà Quốc S và bà Nguyễn Thị Thu H có thời gian sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã có 01 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của ông S là do vợ chồng bất đồng ý kiến về vấn đề kinh tế, không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và Thông báo phiên hòa giải theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện để ông Nguyễn Hà Quốc S và bà Nguyễn Thị Thu H trở về đoàn

tụ với nhau nhưng bà Nguyễn Thị Thu H không đến, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Hà Quốc Svà bà Nguyễn Thị Thu H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc ông Nguyễn Hà Quốc S yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

* Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/02/2010. Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung đang sống chung với ông. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Hà Quốc S phù hợp với nguyện vọng của trẻ đồng thời việc giao con chung cho ông Nguyễn Hà Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo được sự ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt nên yêu cầu này có cơ sở chấp nhận và ghi nhận việc ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: không có.

* Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Thu H, Tòa án đã tiến hành tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà Nguyễn Thị Thu H không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Hà Quốc S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hà Quốc S.

* Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Hà Quốc S được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H.

* Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/02/2010.

Giao con chung cho ông Nguyễn Hà Quốc S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm ngưng việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Thu H cho đến khi có yêu cầu của ông Nguyễn Hà Quốc S.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về nợ chung: Không có.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí DSST: Ông Nguyễn Hà Quốc S chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được tính cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0030893 ngày 30.5.2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Hoa